

GIÁO DỤC CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO THEO HƯỚNG TÍCH HỢP TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 9

QUAN THỊ DƯƠNG*

Ngày nhận bài: 27/03/2017; ngày sửa chữa: 29/03/2017; ngày duyệt đăng: 30/03/2017.

Abstract: Defending sovereignty of sea and islands is the sacred responsibility of every Vietnamese citizen and ensures stable and sustainable development of our country. This task has also been stressed in resolution of the XI National Party Congress. In this article, author focuses on integrating sea and islands sovereignty education into teaching geography 9 with aim to educate patriotism and responsibility of the young generation in national construction and defense.

Keywords: Integration, sea and islands sovereignty, Geography teaching.

Việc tích hợp các chủ đề giáo dục trong các môn học ở trường phổ thông hiện nay là một xu hướng dạy học mới được nhiều nước trên thế giới áp dụng, đó là việc lồng ghép những vấn đề cần giáo dục vào nội dung thích hợp trong các môn học như: tích hợp giáo dục chủ quyền biển đảo; giáo dục dân số, giáo dục môi trường, giáo dục an toàn giao thông vào nội dung bài học trong các môn *Địa lí, Lịch sử, Sinh học, Giáo dục công dân*... Thực tiễn cho thấy, việc tích hợp trong quá trình dạy học không những góp phần giáo dục nhân cách học sinh (HS), giúp các em phát triển năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp trong cuộc sống hiện nay mà còn giúp cho việc dạy học bộ môn trở nên phong phú, hấp dẫn sinh động, có ý nghĩa hơn.

Môn *Địa lí* nói chung và **Địa lí 9** nói riêng có điều kiện thuận lợi để thực hiện việc tích hợp một số chủ đề giáo dục, trong đó có chủ đề giáo dục chủ quyền biển đảo. Chương trình **Địa lí 9** chủ yếu đề cập đến những nội dung về địa lí KT-XH Việt Nam, là sự nối tiếp logic của chương trình **Địa lí 8**, với cấu trúc chặt chẽ, do đó, ở một số bài, một số phần có nội dung rất phù hợp để tích hợp nội dung chủ quyền biển, đảo. Qua đó, góp phần giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, giúp các em ý thức được trách nhiệm, vai trò của mình trong việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

1. Ý nghĩa việc giáo dục về chủ quyền biển, đảo cho HS trong bối cảnh hiện nay

Trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam, biển, đảo có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là quốc gia có đường bờ biển dài (3.260 km) kéo từ Bắc đến Nam với gần 4.000 hòn đảo lớn nhỏ khác nhau, trong đó có hai quần đảo có vị trí chiến lược đặc biệt quan

trọng trong phát triển kinh tế biển, cũng như việc bảo vệ vững chắc vùng lãnh hải của Tổ quốc, đó là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cùng với 29 tỉnh, thành phố tiếp giáp biển. Do đó, giá trị tài nguyên biển, đảo của nước ta là vô cùng to lớn. Biển không những cung cấp nguồn thức ăn cho cư dân ven biển mà còn tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế giữa các vùng, miền trong cả nước, là cửa ngõ để nước ta giao lưu, thông thương với các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới.

Về kinh tế, biển đã tạo điều kiện để phát triển những ngành kinh tế mũi nhọn như: thủy sản, dầu khí, hàng hải..., cung cấp nguồn lợi hải sản rất quan trọng với 2.400 loài cá, 653 loài rong biển, 225 loài tôm biển, 575 loài sinh vật phù du, trữ lượng cá ước tính đạt từ 3,1 - 4,1 triệu tấn... góp phần đưa ngành thủy sản nước ta trở thành ngành kinh tế chủ đạo với giá trị xuất khẩu đứng thứ 3 trên thế giới.

Dầu khí là tài nguyên lớn nhất ở thềm lục địa của nước ta và có ý nghĩa chiến lược quan trọng, đến nay nước ta đã xác định được nhiều bể trầm tích có chứa dầu như: Bể Cửu Long, Nam Côn Sơn...; biển, đảo nước ta có nhiều điều kiện để phát triển du lịch như: Vịnh Hạ Long, Biển Nha Trang, Khánh Hòa, Vũng Tàu, Côn Đảo, Phú Quốc là những điểm đến hấp dẫn của du khách trong nước và quốc tế, ngành "công nghiệp không khói" này đang góp phần đắc lực vào phát triển kinh tế đất nước.

Về an ninh - quốc phòng: biển, đảo đóng vai trò là tuyến phòng thủ phía đông của đất nước, các đảo và quần đảo trên biển không chỉ có ý nghĩa trong việc kiểm soát các tuyến đường biển qua lại trên

* Trường Đại học Tân Trao

Biển Đông, mà còn có ý nghĩa phòng thủ chiến lược quan trọng về an ninh - quốc phòng. Do đó, việc nhận thức được vai trò, ý nghĩa của biển, đảo trong sự phát triển đất nước là hết sức cần thiết đối với mọi tầng lớp nhân dân.

Theo thống kê của Bộ GD-ĐT, năm học 2015-2016, nước ta có khoảng trên 15 triệu HS phổ thông. Đây là lực lượng quan trọng, là nguồn tuyên truyền viên vô cùng tích cực trong việc giáo dục ý thức về chủ quyền biển đảo, giúp các em và thông qua các em tuyên truyền đến nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của biển, đảo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay.

2. Giáo dục chủ quyền biển, đảo cho HS theo hướng tích hợp trong dạy học Địa lí 9

2.1. Một số yêu cầu khi tiến hành tích hợp giáo dục chủ quyền biển, đảo vào nội dung bài học.

Do nội dung giáo dục về chủ quyền biển, đảo không có trong môn học, vì vậy khi thực hiện tích hợp, giáo viên (GV) cần xác định, chọn lựa một cách kĩ càng nội dung giáo dục để đưa vào bài giảng sao cho hợp lí, tránh tình trạng gò ép, tùy tiện. Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu này cần tuân thủ các nguyên tắc sư phạm sau:

- Việc tích hợp nội dung giáo dục không làm thay đổi về bản chất nội dung môn học, không biến nội dung bài giảng thành nội dung giáo dục chủ quyền biển, đảo, các kiến thức giáo dục về chủ quyền biển, đảo phải có mối quan hệ chặt chẽ, logic với các nội dung, kiến thức có trong bài học.

- Những nội dung giáo dục về chủ quyền biển, đảo cần được chọn lọc, phải có tính hệ thống và tập trung vào một số bài, một số mục nhất định, không tràn lan, dàn trải và phải được sắp xếp, vận dụng một cách hợp lí, khoa học, làm cho bài giảng của GV thêm phong phú, sinh động, tăng sức cuốn hút HS. Đồng thời phải bám sát với thực tiễn, tránh sự trùng lặp gây ra sự nhàm chán, nội dung giáo dục phải thích hợp với trình độ nhận thức của HS, không gây ra sự quá tải ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung chính bài học.

- Nội tích hợp phải góp phần phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng hiểu biết của các em về vấn đề chủ quyền biển, đảo, giúp các em có những nhận thức sâu sắc về vấn đề chủ quyền biển, đảo của nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục lòng yêu nước, giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục cho các em niềm tin vào thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, con đường mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

2.2. Một số ví dụ minh họa:

- Ví dụ 1: Bài 6 “*Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam, mục II, Nền kinh tế nước ta trong thời kì đổi mới*”. Ở phần này, nội dung bài học cung cấp cho HS một cách nhìn tổng quát về nền kinh tế nước ta trải qua quá trình phát triển lâu dài và nhiều khó khăn, với nền nông nghiệp là chủ yếu. Sau năm 1986, với chủ trương đổi mới, cải cách mở cửa hội nhập, cơ cấu kinh tế nước ta từng bước chuyển dịch ngày càng rõ nét theo hướng CNH, HĐH. Trong đó, các vùng kinh tế giáp biển đóng góp quan trọng vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhờ có vị trí tiếp giáp biển mà nhiều tỉnh, thành phố, vùng miền trên đất nước ta có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển kinh tế biển nói riêng cũng như nền kinh tế nói chung. Như vậy, nội dung này rất thuận lợi cho việc tích hợp giáo dục vai trò của biển, đảo trong quá trình phát triển nền kinh tế, xây dựng đất nước.

Dựa vào hình 6.2 (*Lược đồ các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm - Địa lí 9, tr 21*), GV tổ chức, hướng dẫn HS nghiên cứu, tìm hiểu, giúp các em nắm được các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta đó là: vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong đó, nổi lên vai trò “đầu tàu” của các thành phố cảng, các trung tâm công nghiệp, đặc khu kinh tế ven biển như: Hải Phòng, Quảng Ninh; Huế, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời, dựa vào số liệu trong sách giáo khoa (SGK) và tài liệu tham khảo, GV có thể hướng dẫn HS lập biểu đồ so sánh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các vùng theo hướng CNH, HĐH; tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế của một số tỉnh không giáp biển, với các thành phố, trung tâm công nghiệp giáp biển trong những năm gần đây, giúp HS thấy được vai trò quan trọng của biển trong việc phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, GV có thể liên hệ, phân tích mở rộng cho HS thấy sự phát triển mạnh mẽ của các thành phố cảng, cũng như vai trò của các thành phố này trong sự nghiệp CNH, HĐH ở một số quốc gia, điển hình như Singapore. Qua đó, HS sẽ có cảm nhận sâu sắc về vị trí vai trò của biển, đảo trong công cuộc phát triển đất nước.

- Ví dụ 2: Bài 9 “*Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản*”, mục II, *Ngành thủy sản*. Mục này cung cấp cho HS cái nhìn tổng quát về quá trình phát triển của ngành thủy sản nước ta, vai trò và tầm quan trọng của ngành này trong công cuộc phát triển nền kinh tế, bảo vệ lãnh thổ an ninh quốc gia và thấy được những ưu điểm, thuận lợi, những hạn chế, khó khăn

cũng như chủ trương của Đảng, Nhà nước ta trong việc phát triển ngành thủy sản trong giai đoạn hiện tại, cũng như trong tương lai. Để tránh sự trùng lặp khi phân tích, đánh giá về vị trí, vai trò của biển, đảo trong việc phát triển kinh tế (những nội dung đã nêu trong mục II, Bài 6), cần xác định rõ những nội dung cơ bản trong bài để tổ chức hướng dẫn cho HS nghiên cứu. Cụ thể là: Vai trò của ngành thủy sản (gắn liền với biển) trong việc phát triển nền kinh tế; những thuận lợi, khó khăn trong việc phát triển ngành thủy sản, trách nhiệm của công dân nói chung, thế hệ trẻ nói riêng trong việc bảo vệ môi trường biển.

Dựa vào nội dung trong SGK, đặc biệt là *Bảng 9.2. Sản lượng thủy sản (nghìn tấn) (Địa lí 9, tr 37)*. GV hướng dẫn để HS nắm được sự phát triển mạnh mẽ của ngành thủy sản trong những năm gần đây (kể cả trong khai thác và nuôi trồng), sự đóng góp tích cực của ngành này cho nền kinh tế đất nước (giá trị xuất khẩu đứng thứ 3 trên thế giới, thu nhiều ngoại tệ cho nền kinh tế đất nước, giải quyết số lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động). Bên cạnh đó, GV cũng phân tích và hướng dẫn để HS nắm được những khó khăn, hạn chế của ngành này, trên cơ sở đó, lồng ghép, tích hợp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường biển, ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản của quốc gia, cũng như bảo vệ vùng lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc.

- Ví dụ 3: Bài 14 “*Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông*”, mục 2. *Giao thông vận tải nước ta đã phát triển đầy đủ các loại hình*. Mục này, SGK cung cấp cho HS sự phát triển các loại hình giao thông ở nước ta hiện nay đó là: đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường sông, đường ống. Đây là mục gồm nhiều nội dung, với nhiều loại hình giao thông, do đó, việc tích hợp giáo dục vai trò của biển, đảo chỉ nên tập trung vào một ý cơ bản đó là: vai trò và tiềm năng của giao thông đường biển. GV hướng dẫn HS theo dõi *bảng 14.1. Cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo các loại hình vận tải (%) (Địa lí 9, tr 51)* để HS thấy rõ, nhờ có đường bờ biển dài, giao thông bằng đường biển nước ta rất phát triển, được thể hiện bằng khối lượng hàng hoá vận chuyển, luân chuyển ngày càng tăng, nhiều tuyến đường được mở rộng... biển mang lại cho nước ta nhiều lợi thế trong việc giao lưu thông thương hàng hóa giữa các vùng miền trong cả nước, đặc biệt là với các nước trong khu vực và trên toàn thế giới.

- Ví dụ 4: Bài 15 “*Thương mại và Du lịch*”, mục II. *Du lịch*. Phần này cung cấp cho HS những nét chung nhất về vị trí, vai trò, tiềm năng của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế cả nước. Đây cũng là nội dung rất

thích hợp cho việc giáo dục vị trí, vai trò của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Ở phần này, GV nên sử dụng những tranh ảnh, video giới thiệu cho HS nắm được những địa danh du lịch nổi tiếng trên khắp mọi miền của đất nước nói chung, những địa điểm du lịch biển nổi tiếng hấp dẫn du khách quốc tế như: Vịnh Hạ Long, Vân Đồn, Sầm Sơn, Nha Trang, Vũng Tàu, Côn Đảo, Phú Quốc... Tiêu biểu là Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

Hiện nay, các đảo ven bờ ở nước ta cũng là nơi du khách rất quan tâm bởi cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, sự thân thiện, mến khách của người dân, những phong tục tập quán địa phương đặc sắc, cũng như sự cảm nhận không khí trong lành nơi đây. Việc phát triển ngành du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng không những góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước (ngành “công nghiệp không khói”), mà thông qua du lịch còn nhằm tăng cường giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với bạn bè quốc tế, qua đó từng bước nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế. Bên cạnh những ưu điểm, những lợi thế nêu trên, GV cần phân tích để HS thấy được những tồn tại hạn chế của ngành này, điển hình là vấn đề môi trường. Do ý thức của người dân, của du khách chưa cao, do đó hiện tượng xả rác bừa bãi tại các địa điểm du lịch là vấn đề bức xúc cần phải khắc phục ngay. Vì vậy, trách nhiệm của mọi công dân, nhất là thế hệ trẻ cần có ý thức tự giác trong việc thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường, cũng như cần đấu tranh để ngăn chặn tình trạng xả rác gây ô nhiễm môi trường.

Ví dụ 5: Bài 38 “*Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển - đảo*”. Đây là bài có nội dung tổng hợp, cung cấp cho HS những nét khái quát nhất về vị trí địa lí, các đảo, quần đảo, cũng như giới hạn từng bộ phận của vùng biển nước ta; những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển các ngành kinh tế biển (khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản; du lịch biển - đảo; khai thác và chế biến khoáng sản biển; giao thông vận tải biển). Như vậy, các nội dung này đã được đề cập trong từng phần, từng mục ở những bài trước, do đó, để tránh sự trùng lặp gây nhàm chán cho HS, GV nên sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm hoặc dạy học dự án để tổ chức cho HS trao đổi, tổng hợp, khái quát vấn đề. Thông qua việc nghiên cứu, thảo luận, HS sẽ tự rút ra vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo; thấy được sự cần thiết trong việc phát triển thế mạnh của từng ngành kinh tế biển nói riêng, cũng như phải phát triển
(Xem tiếp trang 27)

ương. HS còn được rèn rất nhiều kĩ năng sống, như: kĩ năng tổ chức, kĩ năng giao tiếp, ứng xử, hợp tác, kiểm tra, đánh giá,... Qua các trò chơi của môn học, các em sẽ tích lũy được kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đọc hiểu.

Khi dạy bài “*Gà trống và cáo*” (*Tiếng Việt 4*, tập 1), GV cho HS chơi trò chơi “*nối cột*” nhằm giúp HS hiểu rõ hơn nghĩa của một số từ trong văn bản: chia lớp thành 2 đội. GV ghi các từ đã học trong tiết dạy, yêu cầu 2 đội nhanh tay ghép các từ sao cho phù hợp nghĩa. Đội chiến thắng là đội ghép được nhiều từ chính xác. GV có thể thêm 1 số từ ở 1 cột để đánh lạc hướng HS. Cụ thể như sau:

<i>Hiện minh</i>	Nói khéo
<i>Dụ dỗ</i>	To rõ ràng.
<i>Loan tin</i>	Hiền lành, đức độ, sáng suốt
<i>Đông dặc</i>	Truyền tin rộng.
	Dụ người khác làm theo

<i>Hôn lạc, phách xiêu</i>	Gọi là vua, ý tôn kính
<i>Sững sờ</i>	Kinh ngạc, xúc động
<i>Bệ hạ</i>	Niềm nở, nhiệt tình
<i>Đế vương</i>	Vua một nước
<i>Đơn đả</i>	

4. Kết luận

Để dạy học đọc hiểu cho HS lớp 4 đạt hiệu quả,

GV phải biết cách phối hợp nhịp nhàng nhiều biện pháp cũng như các hoạt động dạy học tích cực nhằm phát huy được tối đa ưu điểm của mỗi phương pháp cũng như các hoạt động, giúp các em có thể hiểu được nội dung bài đọc nhanh nhất. Trong quá trình dạy, GV không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn và tổ chức cho HS tham gia các HĐTNST nhằm phát triển tư duy sáng tạo, phát huy tính tích cực của bản thân, để các em tự mình phát hiện ra vấn đề và đưa ra cách giải quyết vấn đề, tự khám phá tìm tòi tìm ra con đường, cách thức chủ động chiếm lĩnh tri thức để có tự mình phát huy năng lực đọc hiểu một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Phương Nga (chủ biên, 2000). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (tập I, II)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Đinh Thị Kim Thoa (2014). *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - góc nhìn từ lý thuyết “Học từ trải nghiệm”*. Kỷ yếu Hội thảo về hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh phổ thông, Bộ GD-ĐT.
- [3] Phạm Thị Thu Hương (2006). *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Thị Hạnh (2002). *Dạy học đọc hiểu ở tiểu học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên, tái bản 2015). *Tiếng Việt 4*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Giáo dục chủ quyền biển đảo...

(Tiếp theo trang 51)

tổng hợp các ngành kinh tế biển nói chung; sử dụng và khai thác phải gắn liền với việc bảo vệ, giữ gìn, tái tạo môi trường biển.

Bên cạnh những nội dung đã được đề cập qua các ví dụ minh họa trên đây, còn một số nội dung khác có thể lồng ghép, tích hợp để giáo dục về vai trò, chủ quyền biển, đảo như: Bài 18 “*Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ*”, Bài 23 “*Vùng Bắc trung bộ*”, Bài 25 “*Vùng duyên hải Nam Trung bộ*”, Bài 31 “*Vùng Đông Nam Bộ*”... Do đó, trong quá trình soạn bài, GV cần đọc kĩ nội dung bài học để lựa chọn và xây dựng kế hoạch tích hợp sao cho phù hợp, đạt kết quả cao nhất.

3. Kết luận

Lồng ghép, tích hợp các chủ đề giáo dục trong quá trình dạy học nói chung, dạy học Địa lí nói riêng là công việc hết sức cần thiết hiện nay. Hoạt động này vừa giúp cho GV cập nhật kiến thức trong bài giảng, kết hợp chặt chẽ giữa lí thuyết và thực tiễn cuộc sống,

làm cho bài giảng thêm hấp dẫn, sinh động; vừa giúp HS hiểu sâu sắc hơn những nội dung của bài học; góp phần giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc. Qua đó, HS sẽ nhận thức được những vai trò và trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Dược (tổng chủ biên, 2007). *Địa lí 9*. NXB Giáo dục.
- [2] Phạm Văn Linh (2013). *100 câu hỏi - đáp về biển đảo dành cho tuổi trẻ Việt Nam*. NXB Thông tin - Truyền thông.
- [3] Nguyễn Dược - Nguyễn Trọng Phúc (2004). *Lí luận dạy học Địa lí*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Đặng Văn Đức (chủ biên, 2007). Nguyễn Thu Hằng - Mai Hà Phương. *Lí luận dạy học Địa lí phân cụ thể*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Đặng Văn Đức - Nguyễn Thu Hằng (2012). *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Lưu Văn Lợi (2007). *Những điều cần biết về đất, biển, trời Việt Nam*. NXB Thanh niên.